

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GD
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trường Tam

2. Bà Nguyễn Thị Thiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Chí Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Minh T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 4, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN;

Bị đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp RT, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Trịnh Minh T trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị H chung sống với nhau vào tháng 10/2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới có cho 01 đôi bông tai, 01 sợi dây, 01 chiếc lắc tay và 01 cặp nhẫn tất cả vàng 24k nhưng anh không biết trọng lượng bao nhiêu và hiện tại anh đang giữ. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện GD. Trong thời gian chung sống anh chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

Sau khi cưới được 10 ngày thì chị H bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay mặc dù anh chị không mâu thuẫn gì. Anh có đến năn nỉ chị H về tiếp tục chung sống

nhưng chị không đồng ý. Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, riêng nữ trang ngày cưới anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Thị H trình bày: Chị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng anh T đã thực hiện đúng, tuy nhiên chị H không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T; về con chung: không có nên không giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: anh T không yêu cầu nên không giải quyết, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Đỗ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh T yêu cầu ly hôn do chị H tự ý bỏ về nhà mẹ ruột ở từ tháng 11/2016 và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay mặc dù anh chị không mâu thuẫn gì. Xét thấy, chị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, chứng tỏ chị H không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian ly thân anh chị không thể hàn gắn gia đình được. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh T và chị H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trịnh Minh T đối với chị Đỗ Thị H. Anh T được ly hôn với chị H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0013180 ngày 12-3-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- **UBND xã TP;**
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui